TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 22 tháng 02 năm 2022
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tần;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST – HPT ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Cao Xuân Q**, sinh năm 1968;
Địa chỉ: khu 11, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1980;
Địa chỉ: khu 11, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
Hiện đang ở nước ngoài. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Cao Xuân Q trình bày: Anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 10/7/2003 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, năm 2014 chị H đi sang Liên bang Nga, từ đó không về Việt Nam tình cảm ngày càng phai nhạt, hiện nay không còn liên lạc với nhau nữa. Nay anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H. Anh không biết địa chỉ chị H ở đâu tại Liên bang Nga.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Cao Hồng P, sinh năm 2003. Hiện đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn chị Bùi Thị H hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số 31369/QLXNC – P5 ngày 21/12/2021 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 21/12/2021 xác định chị H xuất cảnh lần cuối cùng ngày 23/12/2014 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do anh Q không biết địa chỉ của chị H ở đâu tại Liên bang Nga nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Bùi Văn T (bố đẻ chị H) và được ông T cung cấp như sau: Thời gian chung sống sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị H bình thường, hai vợ chồng ít mâu thuẫn. Sau khi chị H đi nước ngoài thì sống ly thân mỗi người một nơi, không liên lạc gì, nay quan điểm của gia đình là nhất trí để anh Q và chị H được ly hôn. Tòa án có gửi văn bản tố tụng yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị H, gia đình đã thông báo nhưng chị H không nói rõ địa chỉ, chị H có nói lại với gia đình là nhất trí ly hôn với anh Q.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân Q.

Xử: Cho anh Cao Xuân Q được ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung, T sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Q phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Cao Xuân Q nộp đơn xin ly hôn chị Bùi Thị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, anh Q trình bày hiện chị H đang ở nước ngoài. Tại công văn số 31369/QLXNC – P5 ngày 21/12/2021 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 21/12/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị Bùi Thị H đã xuất cảnh gần nhất ngày 23/12/2014, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm

a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này chị H không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh Q đề nghị xin ly hôn với chị H và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị H là ở xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở chỗ nào tại Liên bang Nga, Tòa án đã thông qua thân nhân của chị H là ông Bùi Văn T (bố đẻ chị H) thì thấy giữa gia đình ông T và chị H vẫn liên lạc với nhau nhưng ông T không cung cấp được địa chỉ, tin tức chị H ở đâu tại Liên bang Nga. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung; anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q và chị H.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân Q và chị Bùi Thị H trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/7/2003 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh Q và chị H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu từ khi chị H đi nước ngoài, vợ chồng xa nhau, ít liên lạc nên tình cảm phai nhạt dần và đến nay tình cảm đã không còn. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho anh Q được ly hôn chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh Q có một con chung là Cao Hồng P, sinh ngày 23/8/2003, hiện cháu Phú đã trưởng thành, lao động tự túc được nên anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về T sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Q tự nguyện chịu cả 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân Q được ly hôn chị Bùi Thị H.

[2]. Về con chung, T sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Cao Xuõn Q xin chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000118 ngày 15/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã C;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hà Giang